

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRIỆU SƠN  
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48 /2024/ HNGĐ-ST  
Ngày: 31 - 07 -2024  
V/v “ Ly hôn, tranh chấp  
nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HOÁ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thủy

*Hội thẩm nhân dân:* Bà Đào Thị Hiền và ông Nguyễn Bá Long

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Sỹ Vĩ- Thư ký Toà án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đ diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:**

Bà Nguyễn Thị Tình - Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn.

Ngày 31 tháng 07 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 71/2024/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 04 năm 2024 về việc “ Ly hôn, tranh chấp con chung khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2024/QĐST- HNGĐ ngày 15 tháng 07 năm 2024 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị B, Sinh năm 1994 ( vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Tân Thắng 2, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

- Bị đơn: Anh Lê Huy Đ, sinh năm 1995 ( Vắng mặt).

HKTT: Thôn Tân Thắng 2, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Hiện nay đang tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa về tội “ Mua bán trái phép chất ma túy”.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, bản tự khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn là chị Lê Thị B trình bày: Chị và anh Lê Huy Đ đăng ký kết hôn vào ngày 28/02/ 2022 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do sau khi kết hôn với nhau chị B mới phát hiện anh Đ nghiện ma túy, chơi bời không chịu khó đi làm, không quan tâm đến gia đình, chị B và gia đình đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh Đ không thay đổi, nên đến cuối năm 2023 thì anh Đ bị Công an huyện Triệu Sơn khởi tố và bắt tạm giam về tội “ Mua bán trái phép chất ma túy” và chuyển Công an tỉnh Thanh Hóa giải quyết

vụ án theo thẩm quyền. Nay chị B xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Huy Đ.

*Về con chung:* Chị Lê Thị B trình bày vợ chồng có 01 (một) con chung là cháu Lê Trâm A, sinh ngày 08/9/2023. Hiện nay cháu đang ở cùng với chị B. Ly hôn nguyện vọng của chị B mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trâm A, chị không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản và phần nợ:* Chị B trình bày vợ chồng không có tài sản và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Lê Huy Đ trình bày: Anh và chị B đăng ký kết hôn ngày 28/02/2022 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được hơn 01 năm, do anh Đ chơi bời, mua bán trái phép chất ma túy nên bị khởi tố và bắt tạm giam về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Nay anh Đ cũng đồng ý đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh, chị ly hôn.

*Về con chung:* Anh Đ khẳng định vợ chồng có 01 (một) con chung với nhau. Ly hôn anh Đ đồng ý giao con chung là cháu Lê Trâm A, sinh ngày 08/9/2023 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Hiện nay anh Đ đang bị khởi tố và tạm giam về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” nên không có khả năng để cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị B.

*Về tài sản và phần nợ:* Anh Đ trình bày vợ chồng không có tài sản, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55 luật hôn nhân gia đình, đề nghị công nhận sự thỏa thuận của chị B và anh Đ. Về con chung đề nghị áp dụng Điều 81; 82 và 83 luật hôn nhân gia đình, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Trâm A, sinh ngày 08/9/2023, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị B.

Về tài sản: Anh chị không yêu cầu nên không xem xét; Về án phí: Đề nghị áp dụng Điều 147, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc chị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1].*Về tố tụng:* Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Lê Huy Đ có hộ khẩu thường trú trên địa bàn huyện T, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Lê Thị B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 28/06/2024. Anh Lê Huy Đ có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ngày 16/7/2024. Vì vậy căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. *Về hôn nhân*: Chị Lê Thị B và anh Lê Huy Đ đăng ký kết hôn ngày 28/02/2022 tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tình yêu và sự tự nguyện, có giấy chứng nhận kết hôn số 11/2022. Như vậy việc đăng ký kết hôn của anh, chị tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét mâu thuẫn vợ chồng anh chị thì thấy: Mục đích kết hôn của vợ chồng anh chị là xây dựng gia đình hạnh phúc, vợ chồng bình đẳng, thương yêu, chung thủy và chăm sóc nhau trong cuộc sống. Nhưng do tính tình vợ chồng anh chị không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, anh Đ chưa thực sự yêu thương, chăm sóc và quan tâm đến gia đình, chơi bời vào các tệ nạn xã hội và phạm tội “mua bán trái phép chất ma túy” hiện nay đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa, cuộc sống chung của anh chị không có hạnh phúc, nên chị B làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ. Quá trình giải quyết vụ án, anh Đ xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên cũng đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Vì vậy căn cứ vào Điều 55 luật hôn nhân và gia đình chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị B và anh Lê Huy Đ.

[3]. *Về con chung*: Vợ chồng anh, chị có 01 ( một) con chung với nhau, tên cháu là Lê Trâm A, sinh ngày 08/9/2023. Hiện nay cháu đang ở cùng với chị B. Ly hôn anh, chị thỏa thuận giao cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trâm A cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì vụ án hôn nhân và gia đình liên quan đến người chưa thành niên, nên ngày 12/06/2024 Tòa án tiến hành xác minh về nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp và điều kiện nuôi con của chị B và anh Đ. Tại buổi xác minh UBND xã H cho biết nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa chị B và anh Đ UBND xã không biết. Hiện nay anh Đ đang bị khởi tố và bị tạm giam về tội “ Mua bán trái phép chất ma túy”. Vợ chồng anh, chị có 01 con chung, cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường. Nay chị B làm đơn ly hôn anh Đ, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Xét sự thỏa thuận nuôi con chung giữa chị B và anh Đ là hoàn toàn tự nguyện. Vì vậy nhằm đảm bảo điều kiện phát triển tốt nhất cho cháu B và ổn định về tâm lý và sức khỏe của cháu, Hội đồng xét xử thấy cần ghi nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con chung của chị B và anh Đ.

[4]. *Về tài sản*: Vợ chồng anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[5]. *Về án phí*: Chị Lê Thị B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ vào Điều 55, Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147; Điều 238; Điều 271, khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 5; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của uỷ ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.1, tiểu mục 1, mục II phần A danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016.

- *Về hôn nhân*: Công nhận sự thỏa thuận ly hôn giữa chị B và anh Đ.

- *Về con chung*: Công nhận sự thỏa thuận của chị B và anh Đ. Giao cho chị Lê Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lê Trâm A, sinh ngày 08/9/2023 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị B.

Anh Đ có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị B và các thành viên trong gia đình không được ngăn cấm, cản trở.

- *Về tài sản*: Vợ chồng anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

- *Về án phí*: Chị Lê Thị B phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm không có giá ngạch. Số tiền tạm ứng án phí chị B đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo biên lai số AA/2023/0002892 ngày 19 tháng 04 năm 2024 nay trừ 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Chị B đã nộp đủ.

- *Về quyền kháng cáo*: Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Chị B và anh Đ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thanh Hóa
- VKS Triệu Sơn
- Các đương sự
- UBND Hợp Thẳng
- Thi hành án
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Thủy**



**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Mạnh Hùng Nguyễn Bá Long**

**Lê Thị Thủy**